CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX- PVC
Tầng 1, tòa nhà CT2A, Khu ĐTM Cổ Nhuế, phường Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (043)7875938 - FAX: (043)7875937 - Email: Vinaconex.pvc@gmail.com
Mã số thuế: 0102141289

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

Hà nội, tháng 05 năm 2015

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX PVC
Ký ngày: 12/5/2015 15:31:21
Scanned by CamScanner

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX- PVC
Tầng 1, tòa nhà CT2A, Khu ĐTM Cổ Nhuế, phường Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (043)7875938 - FAX: (043)7875937 - Email: Vinaconex.pvc@gmail.com
Mã số thuế: 0102141289

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

Hà nội, tháng 05 năm 2015

Scanned by CamScanner

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX- PVC

Mẫu số B01 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**766.827.604.740**	**819.265.035.449**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	3	**4.233.669.514**	**38.566.505.486**
Tiền	111		4.233.669.514	20.066.505.486
Các khoản tương đương tiền	112		-	18.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**475.974.000**	**571.248.750**
Chứng khoán kinh doanh	121		1.163.492.000	1.163.492.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (	122		(687.518.000)	(655.786.400)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	63.543.150
III. Các khoản phải thu - ngắn hạn	**130**		**407.241.531.619**	**383.721.980.077**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		235.245.345.867	213.261.917.701
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		152.606.240.549	151.589.805.861
Phải thu ngắn hạn khác	136	4	19.713.146.203	19.193.457.515
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đ	137		(323.201.000)	(323.201.000)
IV. Hàng tồn kho	**140**	5	**326.525.418.830**	**379.860.099.431**
Hàng tồn kho	141		326.525.418.830	379.860.099.431
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**28.351.010.777**	**16.545.201.705**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	151.040.722	82.395.353
Tài sản ngắn hạn khác	155		28.199.970.055	16.462.806.352
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**427.718.877.629**	**430.530.049.964**
I. Tài sản cố định	**220**		**38.227.839.061**	**39.878.576.762**
Tài sản cố định hữu hình	221	7	38.227.839.061	39.878.576.762
Nguyên giá	222		*71.142.304.897*	*71.142.304.897*
Giá trị hao mòn lũy kế	223		*(32.914.465.836)*	*(31.263.728.135)*
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		*40.000.000*	*40.000.000*
Giá trị hao mòn lũy kế	229		*(40.000.000)*	*(40.000.000)*
II. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**1.949.505.131**	**1.396.123.199**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	8	1.949.505.131	1.396.123.199
III. Các khoản đầu tư dài hạn	**250**		**305.668.240.343**	**305.668.240.343**
Đầu tư vào công ty con	251	9	72.860.000.000	72.860.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7.060.180.000	7.060.180.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10	234.554.005.359	234.554.005.359
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.805.945.016)	(8.805.945.016)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		**81.873.293.094**	**83.587.109.660**
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	80.445.981.316	82.182.515.683
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.427.311.778	1.404.593.977
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**1.194.546.482.369**	**1.249.795.085.413**

Scanned by CamScanner

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.002.169.478.102**	**1.059.296.222.375**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**771.870.253.214**	**827.854.799.810**
Phải trả người bán ngắn hạn	311		144.646.490.957	173.699.694.030
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		119.616.142.594	138.941.927.755
Các khoản thuế phải nộp Nhà nước	313	12	10.867.670.522	12.778.506.043
Phải trả người lao động	314		4.588.526.665	3.883.722.520
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		993.068.633	1.053.566.664
Phải trả ngắn hạn khác	319		214.543.602.674	205.426.220.039
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	276.582.698.108	292.009.109.698
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		32.053.061	62.053.061
II. Nợ dài hạn	**330**		**230.299.224.888**	**231.441.422.565**
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		230.299.224.888	231.441.422.565
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	14	**192.377.004.267**	**190.498.863.038**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**192.377.004.267**	**190.498.863.038**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	15	300.000.000.000	300.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		15.069.800.000	15.069.800.000
Quỹ đầu tư và phát triển	418		3.238.124.869	3.238.124.869
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.123.204.630	1.123.204.630
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(127.054.125.232)	(128.932.266.461)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(128.932.266.461)	(134.100.043.279)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.878.141.229	5.167.776.818
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.194.546.482.369**	**1.249.795.085.413**

Ngày 11 tháng 05 năm 2015

Người lập	Kế toán trưởng	P.Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hạnh	*Nguyễn Thị Kim Hạnh*	*Nguyễn Đức Thịnh*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX

Scanned by CamScanner

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX- PVC

Mẫu số B02 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY MẸ

Quý I năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2015	Quý I năm 2014
1. Tổng doanh thu	**01**	16	**110.512.222.356**	**17.448.998.629**
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**110.512.222.356**	**17.448.998.629**
3. Giá vốn hàng bán	**11**	17	**101.036.479.991**	**15.789.602.886**
4. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**9.475.742.365**	**1.659.395.743**
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	1.782.057.467	1.736.930.945
6. Chi phí tài chính	22	19	4.601.250.568	5.502.372.983
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*4.569.518.968*	*5.502.372.983*
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.322.289.393	3.786.263.818
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**3.334.259.871**	**(5.892.310.113)**
9. Thu nhập khác	31		50.445.961	653.151.636
10. Chi phí khác	32		328.039.092	1.209.005.701
11. Lợi nhuận khác	**40**		**(277.593.131)**	**(555.854.065)**
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**3.056.666.740**	**(6.448.164.178)**
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.497.332.738	196.983.298
14. Chi phí thuế TNDN - hoãn lại	52		(318.807.227)	(196.983.298)
15. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	**60**		**1.878.141.229**	**(6.448.164.178)**

Ngày 11 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	P.Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hạnh	*Nguyễn Thị Kim Hạnh*	*Nguyễn Đức Thịnh*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC

Scanned by CamScanner

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX- PVC

Mẫu số B03 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CÔNG TY MẸ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ ngày 01/01/2015 đến 31/03/2015	Lũy kế từ ngày 01/01/2014 đến 31/03/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	**3.056.666.740**	**(6.448.164.178)**
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định & BĐSĐT	02	1.650.737.701	1.699.413.972
Các khoản dự phòng	03	31.731.600	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.782.057.467)	(1.218.415.023)
Chi phí lãi vay	06	4.601.250.568	5.502.372.983
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*08*	***7.558.329.142***	***(464.792.246)***
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(33.621.349.184)	(6.139.531.776)
(Tăng) hàng tồn kho	10	53.431.658.510	(20.876.537.980)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp)	11	(44.735.495.261)	17.305.139.368
(Tăng) chi phí trả trước	12	1.713.816.566	724.352.898
Lãi vay đã trả	14	(94.791.666)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.619.821.835)	-
Chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(30.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*	***(18.397.653.728)***	***(9.451.369.736)***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(650.359.841)	(200.365.162)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	191.000.000
3. Tiền thu hồi các khoản đầu tư	24	63.543.150	3.371.760.401
4. Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
5. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	78.046.037	8.729.993
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*	***(508.770.654)***	***3.371.125.232***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu do nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.426.411.590)	(3.947.844.637)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	*40*	***(15.426.411.590)***	***(3.947.844.637)***
Tăng tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ	50	**(34.332.835.972)**	**(10.028.089.141)**
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	**60**	**38.566.505.486**	**14.300.081.305**
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	**4.233.669.514**	**4.271.992.164**

Ngày 11 tháng 05 năm 2014

Người lập	Kế toán trưởng	P.Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hạnh	*Nguyễn Thị Kim Hạnh*	*Nguyễn Đức Thịnh*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC

Scanned by CamScanner

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex – PVC ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thuỷ lợi, các công trình điện đến 35KV, trang trí nội thất, ngoại thất công trình;
- San lấp mặt bằng, xử lý nền móng công trình;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán ôtô và máy móc, thiết bị phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán dụng cụ, công cụ, thiết bị hỗ trợ, cứu nạn;
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách bằng ôtô, cho thuê xe;
- Trồng và bán cây xanh;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ôtô;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê máy móc thiết bị, vật tư, vật liệu ngành xây dựng.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính quý I năm 2015.

- **Cơ sở lập báo cáo tài chính.**

Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính riêng quý I năm 2015 trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Các báo cáo tài chính riêng quý I năm 2015, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Scanned by CamScanner

- **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

- **Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn về việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác VND được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu; và các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xoá sổ vào đầu kỳ sau.

Công ty lựa chọn tiếp tục áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 trong việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái.

- **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

- **Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc khi đơn vị được đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có

Scanned by CamScanner

thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

- **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

- **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

- **Tài sản cố định hữu hình**

- *Nguyên giá*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn luỹ kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Scanned by CamScanner

- ***Khấu hao***

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa : 6 năm
- Máy móc và thiết bị : 6-7 năm
- Phương tiện vận tải : 9 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng : 3 – 4 năm

- **Tài sản cố định vô hình**

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

- **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

- **Chi phí trả trước dài hạn**

Thương hiệu nhượng quyền

Thương hiệu nhượng quyền phản ánh giá trị thương hiệu "Vinaconex" nhận được từ Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam ("Vinaconex") theo một hợp đồng li-xăng ký giữa hai bên với thời hạn 20 năm. Thương hiệu nhượng quyền được ghi nhận là chi phí trả trước, ban đầu được phản ánh theo nguyên giá và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

Công cụ dụng cụ

Chi phí trả trước dài hạn gồm công cụ dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 3 năm.

- **Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Scanned by CamScanner

- **Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

- **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục dược ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

- **Doanh thu**

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao

Scanned by CamScanner

cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

- **Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

- **Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

- **Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

- **Các công ty liên quan**

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông của Công ty.

- **Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Scanned by CamScanner

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt	1.159.610.899	976.398.611
Tiền gửi ngân hàng	3.074.058.615	19.090.106.875
Các khoản tương đương tiền	-	18.500.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	**4.233.669.514**	**38.566.505.486**

4. Các khoản phải thu khác

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu khác về tạm ứng cho đội trưởng đội thi công	1.023.109.027	1.023.109.027
Thuế GTGT chờ khấu trừ do truy thu thuế	-	1.362.563.135
Lợi tức ủy thác vốn đầu tư	9.659.042.040	7.941.030.610
Phải thu khác	9.030.995.136	8.866.754.743
Tổng cộng	**19.713.146.203**	**19.193.457.515**

5. Hàng tồn kho

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Nguyên vật liệu	1.601.090.045	1.124.317.054
Công cụ và dụng cụ	429.178.000	429.178.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	324.495.150.785	378.306.604.377
Tổng cộng	**326.525.418.830**	**379.860.099.431**

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Số dư tại ngày đầu kỳ	1.396.123.199	2.686.958.702
Mua mới trong kỳ	650.359.841	2.619.349.923
Giảm khác	(96.977.909)	(3.910.185.426)
Số dư tại ngày cuối kỳ	**1.949.505.131**	**1.396.123.199**

Scanned by CamScanner

Scanned by CamScanner

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Các chi phí khác	Tổng
	VND	VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2015	82.395.353	82.395.353
Mua sắm mới trong kỳ	150.288.364	150.288.364
Giảm do thanh lý và nhượng bán		-
Xóa sổ		-
Phân bổ trong kỳ	(81.642.995)	(81.642.995)
Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2015	**151.040.722**	**151.040.722**

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Thuê văn phòng	Công cụ và dụng cụ	Thương hiệu	Chi phí trả trước dài hạn khác (i)	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2015	9.407.219.914	-	4.265.342.467	68.509.953.302	82.182.515.683
Mua sắm mới trong kỳ		-		-	-
Giảm khác					-
Xóa sổ					-
Phân bổ trong kỳ	(56.353.770)	-	(75.000.000)	(1.605.180.597)	(1.736.534.367)
Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2015	**9.350.866.144**	**-**	**4.190.342.467**	**66.904.772.705**	**80.445.981.316**

(i) : Trong đó có khoản Chi phí đầu tư công trình Tạp chí Cộng Sản, theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tạp chí Cộng Sản, hai bên hợp tác kinh doanh dưới hình thức Công ty thực hiện xây dựng tòa nhà tại vị trí của Tạp chí Cộng Sản phía Nam và được phép kinh doanh trong vòng 20 năm (sau khi bàn giao một tầng lầu và một phần tầng hầm cho Tạp chí Cộng Sản). Theo đó, sau khi công trình xây dựng hoàn thành, Công ty đã cho đối tác khác thuê lại với thời gian 20 năm và ghi nhận chi phí xây dựng tòa nhà là chi phí trả trước dài hạn để phân bổ trong vòng 20 năm tương ứng với thời gian phân bổ doanh thu đã nhận trước và bắt đầu phân bổ từ ngày 01 tháng 7 năm 2011.

Scanned by CamScanner

7. Biến động về Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	65.899.933.085	4.740.925.016	419.992.251	81.454.545	71.142.304.897
Mua sắm mới trong kỳ	-				-
Tăng/(giảm) khác	-		-		-
Giảm do thanh lý và nhượng bán		-		-	-
Số dư tại ngày cuối kỳ	**65.899.933.085**	**4.740.925.016**	**419.992.251**	**81.454.545**	**71.142.304.897**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	(28.946.852.733)	(1.855.633.949)	(379.786.908)	(81.454.545)	(31.263.728.135)
Hao mòn trong kỳ	(1.519.429.624)	(127.986.906)	(3.321.171)		(1.650.737.701)
Tăng/(giảm) khác	-				-
Giảm do thanh lý và nhượng bán		-	-	-	-
Số dư tại ngày cuối kỳ	**(30.466.282.357)**	**(1.983.620.855)**	**(383.108.079)**	**(81.454.545)**	**(32.914.465.836)**
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	36.953.080.352	2.885.291.067	40.205.343	-	39.878.576.762
Số dư cuối kỳ	**35.433.650.728**	**2.757.304.161**	**36.884.172**	-	**38.227.839.061**

9. Đầu tư vào Công ty Con

STT	Tên Công ty	Địa Chỉ	31/03/2015		01/01/2015	
			VND	% Sở hữu theo vốn thực góp	VND	% Sở hữu theo vốn thực góp
1	Công ty CP Xây dựng Dân dụng Công nghiệp PVV (Công ty CP Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Vina- petro)	Tầng 10, tòa nhà CT3-3, Khu đô thị Mễ trị Hạ, thôn Mễ trì Hạ, Huyện từ Liêm, Hà Nội	38.660.000.000	77,32%	38.660.000.000	77,32%
2	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Xây dựng Đông Thành	Km 17, quốc lộ 32, cụm 10, thông Đan Hội, Xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, Hà Nội.	29.700.000.000	100,00%	29.700.000.000	100,00%
3	Công ty CP Khai thác đá Thừa Thiên Huế (HSQ)	Số 323 Bùi Thị Xuân- Thành Phố Huế- Tỉnh Thừa Thiên Huế	4.500.000.000	35,02%	4.500.000.000	35,02%
			72.860.000.000		**72.860.000.000**	

10. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty TNHH Thành Phố Xanh (i)	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO (ii)	101.926.729.102	101.926.729.102
Công ty Cổ phần Đầu tư khoáng sản Bắc Trung Bộ	91.627.276.257	91.627.276.257
Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 8 (iii)	21.000.000.000	21.000.000.000
	234.554.005.359	**234.554.005.359**

(i) Là khoản góp vốn với Công ty TNHH Thành phố Xanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư dự án khu nhà ở chung cư tại phường Phú Hữu, quận 9, thành Phố Hồ Chí Minh - Sunflower City. Theo đó, Công ty sẽ nắm giữ 51% quyền sở hữu trong dự án sau khi góp đủ vốn theo tiến độ hợp đồng. Hiện tại dự án đang được triển khai theo đúng tiến độ quy định trong hợp đồng.

(ii) Là khoản góp vốn với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO để đầu tư Dự án " Khu chung cư cao cấp, dịch vụ hỗn hợp - Khu đô thị Nam An Khánh- Hà Nội " thuộc lô HH03 của Dự án Nam An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội. Theo đó, phần vốn Công ty đã góp tương đương với 20% giá trị của dự án.

(iii) Là khoản vốn góp mua cổ phần của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 8 (Cienco 8). Theo đó, giá trị cổ phần của Công ty tương đương với 7,6% vốn điều lệ của Cienco 8

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Thuế GTGT	6.352.352.626	5.662.494.422
Thuế TNDN	4.278.204.149	5.696.782.672
Thuế thu nhập cá nhân	237.113.747	1.419.228.949
	10.867.670.522	**12.778.506.043**

13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Hội sở Ngân hàng Quốc tế VIB	78.862.737.819	78.862.737.819
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Kỷ	8.470.000.000	8.650.000.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	58.168.047.927	58.257.179.010
Vay ngắn hạn cá nhân	9.594.653.433	18.348.609.707
Ngân hàng TM CP Quân Đội	3.509.286.235	3.509.286.235
Ngân hàng TM CP Đại Dương	2.000.000.000	2.000.000.000
Các tổ chức khác	3.295.540.000	4.595.540.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	112.682.432.694	117.785.756.927
	276.582.698.108	**292.009.109.698**

Scanned by CamScanner

Scanned by CamScanner

14. Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn [góp /cổ phần] VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2014	**300.000.000.000**	**15.069.800.000**	**3.238.124.869**	**1.123.204.630**	**(133.986.145.565)**	**185.444.983.934**
Vôn góp/ vôn cô phân						-
Lợi nhuận thuần trong kỳ			-	-	5.167.776.818	5.167.776.818
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần	-	-	-		-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(113.897.714)	(113.897.714)
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2015	**300.000.000.000**	**15.069.800.000**	**3.238.124.869**	**1.123.204.630**	**(128.932.266.461)**	**190.498.863.038**
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	1.878.141.229	1.878.141.229
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần	-	-			-	-
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu						-
Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2015	**300.000.000.000**	**15.069.800.000**	**3.238.124.869**	**1.123.204.630**	**(127.054.125.232)**	**192.377.004.267**

15. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/03/2015		01/01/2015	
	Số CP	VND	Số CP	VND
Vốn cổ phần được duyệt				
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như sau đối với tài sản còn lại của Công ty.

16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	36.658.122.479	14.758.734.910
Doanh thu kinh doanh bất động sản	56.972.047.306	1.882.171.313
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	16.882.052.571	808.092.406
	110.512.222.356	**17.448.998.629**

17. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	34.774.874.067	14.111.956.447
Giá vốn kinh doanh bất động sản	51.615.113.162	-
Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	14.646.492.762	1.677.646.439
	101.036.479.991	**15.789.602.886**

Scanned by CamScanner

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.782.057.467	1.736.930.945
	1.782.057.467	**1.736.930.945**

19 Chi phí tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	4.569.518.968	5.502.372.983
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	31.731.600	
	4.601.250.568	**5.502.372.983**

Ngày 11 tháng 05 năm 2015

Người lập	Kế toán trưởng	P.Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hạnh	*Nguyễn Thị Kim Hạnh*	*Nguyễn Đức Thịnh*

M.S.D.N: 0102141289-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC Q. BẮC TỪ LIÊM TP HÀ NỘI

Scanned by CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 190 /VN- PVC/CBTT V/v: Công bố thông tin và giải trình BCTC công ty mẹ quý 1 năm 2015	*Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2015*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex – PVC
2. Mã chứng khoán: PVV
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, Tòa nhà CT2A, KĐT mới Cổ Nhuế, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội
4. Điện thoại: (04) 3 787 5938 Fax: (04) 3 787 5937
5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh – Kế toán trưởng
6. Nội dung công bố thông tin:

6.1.Báo cáo tài chính công ty mẹ quý 1 năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex – PVC được lập ngày 11/05/2015, bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.

6.2. Nội dung giải trình kết quả kinh doanh công ty mẹ trong quý 1 năm 2015 lãi:

Liên quan đến số liệu về kết quả sản xuất kinh doanh công ty mẹ quý 1 năm 2015 trên Báo cáo tài chính lãi, Công ty xin giải trình với Uỷ ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội như sau:

Nội dung	Quý 1/2015	Quý 1/2014	Chênh lệch	% tăng trưởng
Doanh thu thuần	110.512.222.356	17.448.998.629	93.063.223.727	533,3%
Lợi nhuận trước thuế	3.334.259.871	(5.892.310.113)	9.226.569.984	156,5%
Lợi nhuận sau thuế	3.056.666.740	(6.448.164.178)	9.504.830.918	147,4%

Lợi nhuận thuần sau thuế công ty mẹ quý 1 năm 2015 lãi so với quý 1 năm 2014 : 9.504.830.918 đồng tương đương với tỷ lệ tăng 147,4%, nguyên nhân chủ yếu là do:

- Chi phí lãi vay quý 1/2015 giảm so với quý 1/2014 là 932.854.015 đồng làm cho chi phí tài chính giảm so với cùng kỳ năm trước.
- Trong quý 1/2015 tổng doanh thu tăng mạnh so với quý 1/2014 là: 93.063.223.727 đồng, lợi nhuận gộp bán hàng cung cấp dịch vụ tăng so với quý 1/2014: 7.816.346.622 đồng

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính: pvv.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

M.S.D.N: 0102141289 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC
Q. BẮC TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Thị Kim Hạnh

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.

Scanned by CamScanner